

Bản án số **435/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-8-2026

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

“Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mạc Ngọc Day

Bà Nông Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 302/2026/TLST-HNGĐ, ngày 17/6/2026 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lù Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T (trước là T), xã T, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn T(trước là T), xã T, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, nguyên đơn chị Lù Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn V sau một thời gian tự do tìm hiểu thì đã tiến tới hôn nhân. Anh chị được 2 bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi vào năm 2016. Đến ngày 05/02/2018, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H (nay là xã T), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi cưới hỏi, chị chuyển khẩu từ huyện Y, tỉnh Hà Giang cũ về chung sống với anh V và nhập khẩu vào nhà bố mẹ chồng tại

thôn T, xã T, huyện H (nay là thôn T, xã T). Cuộc sống vợ chồng chung sống hòa thuận, bình thường thời gian đầu đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V đi làm xa nhà, tình cảm vợ chồng phai nhạt, anh V đi ngoại tình với người khác. Anh V bỏ mặc mẹ con chị ở nhà, không hề gửi tiền về giúp đỡ chị chăm con. Chị cũng nhờ gia đình tác động, cho cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh V không thay đổi. Anh chị ly thân nhau đã được 6-7 năm nay, không ai quan tâm gì đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung, tên là Hoàng Thị Bảo H, sinh ngày 03/6/2016 và Hoàng Thùy L, sinh ngày 01/01/2020. Hiện tại hai cháu đang ở cùng chị và ông bà nội. Ly hôn chị nhận nuôi cả 2 con chung mà không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Văn V không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương với ông Lý Văn Q - trưởng thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang và với ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1965 - là bố đẻ của anh V, kết quả thể hiện: Chị Lù Thị T, sinh năm 1993 và anh Hoàng Văn V, sinh năm 1997 là công dân có nơi thường trú tại thôn T (nay là thôn T), xã T, tỉnh Tuyên Quang. Chị T và anh V là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang) vào năm 2018. Trước đó anh chị được gia đình 2 bên cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2016. Sau khi cưới, chị T chuyển khẩu từ nhà đẻ ở huyện Y, tỉnh Hà Giang cũ về ở và nhập khẩu tại nhà anh V ở thôn T, xã T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V đi làm xa nhà, ra ngoài có hiện tượng bỏ bịch nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng anh chị ly thân nhau cũng đã được 6-7 năm nay. Anh V mặc dù có nơi thường trú ở thôn T nhưng thường xuyên đi làm công nhân xa nhà, lúc ở Bắc Ninh, lúc ở Hải Phòng. Cụ thể địa chỉ của anh V ở đâu, gia đình và chính quyền thôn không nắm được. Tuy nhiên anh V thì thoảng cũng về địa phương thăm nhà. Do đó chính quyền địa phương và gia đình xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có 02 con chung, tên là Hoàng Thị Bảo H, sinh ngày 03/6/2016 và Hoàng Thùy L, sinh ngày 01/01/2020. Hiện 02 con chung của anh chị đang ở cùng chị T và ông bà nội ở thôn T, thời gian nghỉ hè vừa qua chị T đón 2 cháu về ở cùng chị ở xã H nơi chị làm việc. Về tài sản chung; Về vay nợ chung, anh chị không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh V mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lù Thị T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lù Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn V.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Thị Bảo H, sinh ngày 03/6/2016 và Hoàng Thùy L, sinh ngày 01/01/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Do các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị T là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng) sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh V không phải chịu án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Lù Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn V, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hôn nhân và gia đình “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh V có nơi thường trú và sinh sống tại thôn T (nay là thôn T), xã T, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[2] Về việc thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh V không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, vay nợ chung của các đương sự cũng như tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Việc anh V không đến Toà án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ pháp luật, không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Toà án đã xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn với nhau từ năm 2018. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2019, 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V đi làm xa nhà có người khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay đã được 6 -7 năm nay, không ai quan tâm gì đến ai. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, ai cũng có cuộc sống của riêng mình. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh V để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh chị cũng không có động thái gì hàn gắn quay về chung sống, đoàn tụ. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Hoàng Thị Bảo H, sinh ngày 03/6/2016 và Hoàng Thùy L, sinh ngày 01/01/2020. Hiện tại 02 con chung đang ở cùng chị T và ông bà nội ở thôn T, xã T. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có ý kiến muốn được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung mà không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì hiện tại anh V đi làm xa. Tại biên bản lấy lời khai con chung, cháu H thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hiện cháu H đang học 4A, chuẩn bị lên lớp 5A trường Tiểu học T2. Để đảm bảo điều kiện nuôi con, tránh sự xáo trộn, sự phù hợp về phát triển tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu H và cháu L cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

* Về tài sản chung, vay nợ chung: Do các đương sự tự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng), sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh V không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lù Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 05/02/2018 cho chị Lù Thị T và anh Hoàng Văn V không còn giá trị pháp lý sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Thị Bảo H, sinh ngày 03/6/2016 và Hoàng Thùy L, sinh ngày 01/01/2020 cho chị Lù Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Hoàng Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lù Thị T. Bị đơn anh Hoàng Văn V không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi h

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Thái Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Ngọc

